

CÔNG TY TNHH NOTA VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NOTA VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NOTA VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NOTA CO .,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0107975168

3. Ngày thành lập: 23/08/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 69, tổ 6, khu Xuân Hà, Thị trấn Xuân Mai, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02439 998 085

Fax:

Email: info@notavina.com

Website: www.notavina.com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
2.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
3.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
4.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
5.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
6.	Trồng cây chè	0127
7.	Khai thác thủy sản biển	0311
8.	Khai thác và thu gom than non	0520
9.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
10.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
11.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
12.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
13.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
14.	Cổng thông tin	6312
15.	Hoạt động thông tấn	6321
16.	Hoạt động trung gian tiền tệ khác Chi tiết: Đại lý đổi ngoại tệ;	6419
17.	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) Chi tiết: Hoạt động cầm đồ;	6499

18.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản(Không bao gồm hoạt động đầu giá)	6810(Chính)
19.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
20.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
21.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
22.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210
23.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
24.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
25.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
26.	Hoạt động thể thao khác	9319
27.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
28.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
29.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
30.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
31.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
32.	Sản xuất than cốc	1910
33.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
34.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
35.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
36.	Xây dựng công trình công ích	4220
37.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
38.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
39.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
40.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
41.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
42.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
43.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới;	4610
44.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
45.	Bán buôn gạo	4631
46.	Bán buôn thực phẩm	4632
47.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lã	4634

48.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;	4649
49.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
50.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;	4659
51.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
52.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, véc ni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn đồ ngũ kim;	4663
53.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
54.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
55.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721

56.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;	4752
57.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
58.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
59.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
60.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
61.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
62.	Cho thuê xe có động cơ	7710
63.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
64.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
65.	Điều hành tua du lịch	7912
66.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
67.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
68.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
69.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
70.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
71.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620
72.	Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên	9103
73.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
74.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
75.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
76.	Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác	9529
77.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Dịch vụ massage	9610

78.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
79.	Đại lý du lịch	7911
80.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
81.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
82.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
83.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
84.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
85.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2212
86.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
87.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
88.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
89.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
90.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
91.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
92.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
93.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
94.	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	3510
95.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
96.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
97.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
98.	Xây dựng nhà các loại	4100
99.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
100.	Phá dỡ	4311
101.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
102.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
103.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu	6619
104.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
105.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
106.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
107.	Bán mô tô, xe máy	4541
108.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
109.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
110.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
111.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
112.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
113.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
114.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510

115.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
116.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
117.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
118.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
119.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
120.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
121.	Quảng cáo	7310
122.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
123.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
124.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
125.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
126.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
127.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
128.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
129.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
130.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
131.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
132.	Hoạt động viễn thông không dây	6120
133.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản(Không bao gồm hoạt động đấu giá)	6820
134.	Hoạt động viễn thông khác	6190
135.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
136.	Cơ sở lưu trú khác	5590
137.	Hoạt động chiếu phim	5914
138.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
139.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
140.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
141.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	0990
142.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
143.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
144.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
145.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
146.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
147.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920

148.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
149.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
150.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
151.	Lập trình máy vi tính	6201
152.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
153.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
154.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
155.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
156.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
157.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
158.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
159.	Khai thác quặng sắt	0710
160.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
161.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
162.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
163.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
164.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
165.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
166.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
167.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
168.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
169.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
170.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
171.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
172.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
173.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
174.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
175.	Bán buôn tổng hợp	4690
176.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
177.	Xuất bản phần mềm	5820
178.	Hoạt động hậu kỳ	5912
179.	Hoạt động viễn thông có dây	6110
180.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6329
181.	Bán buôn đồ uống	4633

6. Vốn điều lệ: 225.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC KHÁNH

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 20/08/1985 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001085011276

Ngày cấp: 02/08/2016 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về cư dân

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ 7, khu Tân Bình, Thị trấn Xuân Mai, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Phòng 2501 tầng 25, VI Victoria Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC KHÁNH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 20/08/1985

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001085011276

Ngày cấp: 02/08/2016 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về cư dân

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ 7, khu Tân Bình, Thị trấn Xuân Mai, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Phòng 2501 tầng 25, VI Victoria Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội